Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KOM TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78 /2017/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 24 tháng 8 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2017/TLST/HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa:

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- Anh Võ Đức B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Võ Đức B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Võ Đức B tự nguyện thoả thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Võ Đức Hải Ng, sinh ngày 07/6/2014 và Võ Đức Minh K, sinh ngày 02/12/2015. Các đương sự tự thỏa thuận giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được và giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ng cho đến khi đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, anh B, chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ nần: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập**.**

- Về án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)***:**

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: **150.000đ (***Một trăm năm mươi ngàn đồng)*, chị Nguyễn Thị Tuyết N thoả thuận nhận nộp số tiền này. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp **300.000đ (***Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số: AA/2010/0009230 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Tuyết N còn được nhận lại số tiền là **150.000đ** *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*..

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát H;
- Chi cục THADS H;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN DUY NGỮ